**Mẫu số 07A-HBQP**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ QUỐC PHÒNG**BẢO HIỂM XÃ HỘI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……../QĐ-BHXH | *Hà Nội, ngày ….. tháng ….. năm ……* |
|  | **…..(1)…..SỐ SỔ BHXH……SỐ ĐỊNH DANH……** |
|  |  |  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng**

**GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 …………………..(2)…………………..;

Căn cứ Quyết định số 79/2008/QĐ-BQP ngày 29/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòngvề việc thành lập Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với đồng chí:…………………………………..,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đồng chí: ……………………………………………………… Nam (nữ) ……………

Sinh ngày: ………/ ……./ ………………………………………….

Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nghề nghiệp: ………………………………………………….

Đơn vị: ……………………………………………………………………………………………..

Tổng số thời gian đóng BHXH là: ……… năm …………. tháng; trong đó có …… năm ….. tháng đóng BHXH bắt buộc. Thời gian đóng BHXH bắt buộc có:

- Thời gian làm việc trong lực lượng vũ trang, tổ chức cơ yếu:          ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm việc được tính tuổi quân, làm công tác cơ yếu:         ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm việc được tính thâm niên nghề:                                 ….. năm ….. tháng

- Thời gian công tác ở chiến trường B, C, K:                                    ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên:       ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:      ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: ….. năm ….. tháng

- Thời gian làm công việc khai thác than trong hầm lò:                      ….. năm ….. tháng

Mức bình quân tiền lương, thu nhập tháng làm căn cứ tính lương hưu: ……………. đồng

Tỷ lệ % để tính lương hưu: ................(3)…………… %........................................................

Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày: ………… tháng ………… năm ……………………….

**Điều 2.** Mức hưởng chế độ hưu trí như sau:

1. Lương hưu: ………….. đ x ……….. % = ……………………đồng

Lương hưu hằng tháng là: ………………………………………… đồng

*(Bằng chữ: ……………………………………………………………………………. đồng)*

Nơi nhận lương hưu: ………………………..(4)…………………………………………….

2. Trợ cấp một lần: …………………………………………………………….. đồng

a) Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (nếu có): …….. đ x ………. tháng = ………………… đồng

b) Trợ cấp khu vực một lần (nếu có): …………………………… đồng;

Tổng số tiền trợ cấp một lần (a+b): ………………………………………………. đồng

*(Bằng chữ: …………………………………………………………………………. đồng)*

Nơi nhận: Tài chính đơn vị (5)

**Điều 3.** Các đồng chí Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng đơn vị và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Cá nhân;- BHXH tỉnh (thành phố)...(nơi nhận lương hưu);- Cơ quan nhân sự trực thuộc Bộ;- Tài chính đơn vị (5);- Lưu: BHXH BQP, BHXH Việt Nam. | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn lập Mẫu số 07A-HBQP**

(1) - Đối tượng nghỉ hưu là quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân hiển thị **“HƯU TRÍ QĐ”**;

- Đối tượng nghỉ hưu là công nhân và viên chức quốc phòng, LĐHĐ, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hiển thị **“HƯU TRÍ”**;

- Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện hiển thị **“HƯU TRÍ TN”**.

(2) - Đối tượng nghỉ hưu là quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân hiển thị “Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10/5/2016 của Chính phủ”;

- Đối tượng nghỉ hưu là công nhân và viên chức quốc phòng, LĐHĐ, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hiển thị “Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ”;

- Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện hiển thị “Nghị định số 134/2015/NĐơ

134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ”.

(3) Nếu nghỉ hưu bình thường (hưu đủ) hiển thị tỷ lệ % được hưởng; nếu nghỉ hưu hưởng lương hưu thấp do suy giảm khả năng lao động hiển thị tỷ lệ % được hưởng tương ứng với thời gian công tác (tối đa 75%) trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi (ví dụ 72% - 4% = 68%).

(4) Ghi đầy đủ từ số nhà, ngõ (ngách, hẻm), đường phố, tổ (thôn, xóm, ấp), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), tỉnh, (thành phố trực thuộc Trung ương).

(5) Nếu có trợ cấp một lần thì hiển thị nội dung này.